

Bản án số: 148/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17-10-2024

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hồng Vân.

2/ Bà Võ Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 304/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Cẩm B, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: A ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm B trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu P đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M. Chị và anh P chung sống đến sau khi sinh con (năm 2015) thì anh

P đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, chị nghe anh P quen người phụ nữa này, người phụ nữa kia nên chị và anh P xảy ra cự cãi; từ đó chị với anh P sống ly thân đến nay. Qua nhiều năm chị và anh P không qua lại và đôi bên có cuộc sống riêng tư. Chị và anh P không có khả năng hàn gắn vì đôi bên có cuộc sống riêng tư nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 04/5/2015, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung chị và anh P không có.

*\* Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày:*

Anh và chị Đoàn Thị Cẩm B kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Anh và chị B chung sống được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, chị B dẫn con đi; anh nghi ngờ chị B quen người đàn ông khác nên tự ý bỏ đi chứ vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Anh và chị B đã sống ly thân cách khoảng 05 năm nên nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Anh và chị B có 01 con chung: Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 04/5/2015; hiện cháu Đ do chị B nuôi. Anh đồng ý để cháu Đ cho chị B nuôi và không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung anh và chị B không có.

*\* Theo biên bản lấy ý kiến, cháu Nguyễn Khải Đ có nguyện vọng sống với chị B.*

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.*

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị Cẩm B và anh Nguyễn Hữu P có đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 14/11/2014 nên hôn nhân là hợp pháp. Chị B và anh P chung sống một thời gian đến tháng 01/2016 phát sinh mâu thuẫn và từ đó sống ly thân đến nay. Chị B yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở. Về con chung: Chị B yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 04/5/2015; cháu Đ có nguyện vọng sống với chị B. Do đó, giao con chung cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị B về việc yêu cầu ly

hôn với anh P. Giao cháu Đ cho chị B nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung trình bày không có nên không xem xét.

Từ các lời trình bày trên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm B có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hữu P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị B, anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Cẩm B và anh Nguyễn Hữu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 14/11/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị B và anh P phát sinh mâu thuẫn, đôi bên sống ly thân thời gian cách nay 05 năm và đã có cuộc sống riêng tư. Chị B yêu cầu ly hôn, anh P đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị B và anh P không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh P.

[2] Về con chung: Chị B yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 04/5/2015; cháu Đ có nguyện vọng sống với chị B và anh P đồng ý để cháu Đ cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, giao chị B tiếp tục nuôi cháu Đ là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Chị B và anh P trình bày không có.

[4] Về nợ chung: Chị B và anh P trình bày không có.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị B phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị Cẩm B đối với anh Nguyễn Hữu P.

2. Con chung: Chị Đoàn Thị Cẩm B tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Khải Đ, sinh ngày 04/5/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh Nguyễn Hữu P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hữu P có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị B và anh P trình bày không có.

4. Nợ chung: Chị B và anh P trình bày không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị Đoàn Thị Cẩm B phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002357 ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị B đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Mỹ Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hồng Hạnh**

